

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	10,100 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	6.3%	-8.2%

DT thuần	2024		
	15.8	YoY	▲ 4.50
	tỷ VNĐ		▲ 39.2%

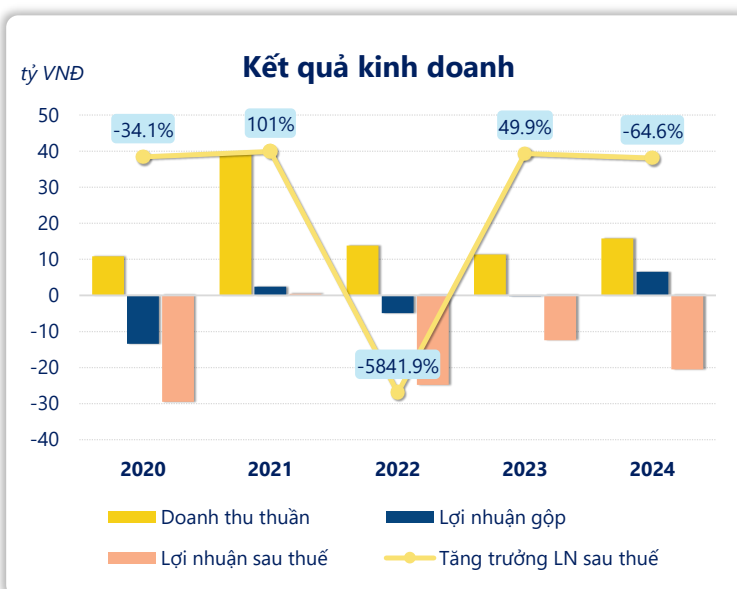
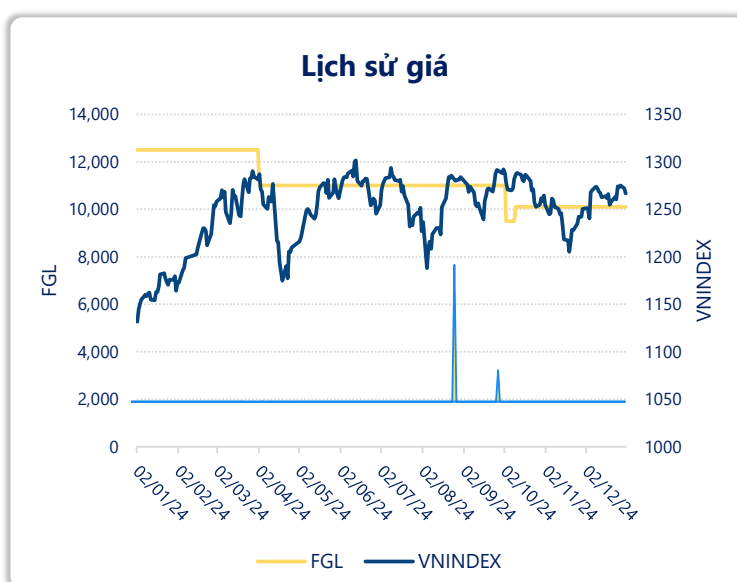
LN gộp	2024		
	6.53	YoY	▲ 6.73
	tỷ VNĐ		▲ 3372%

LN thuần	2024		
	-10.1	YoY	▲ 2.40
	tỷ VNĐ		▲ 19.4%

LN sau thuế	2024		
	-20.5	YoY	▼ 8.10
	tỷ VNĐ		▼ 64.6%

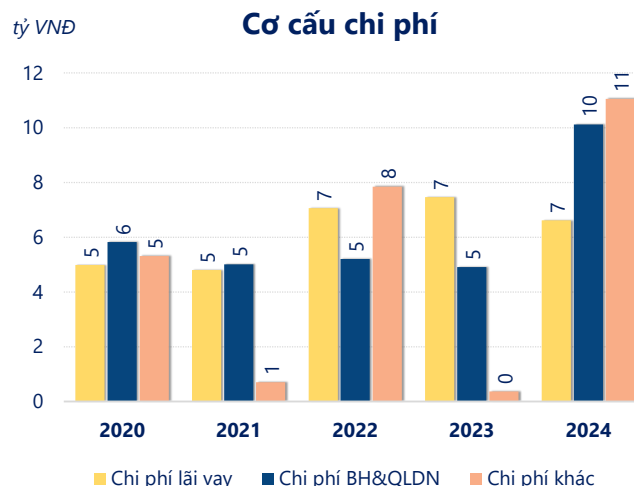
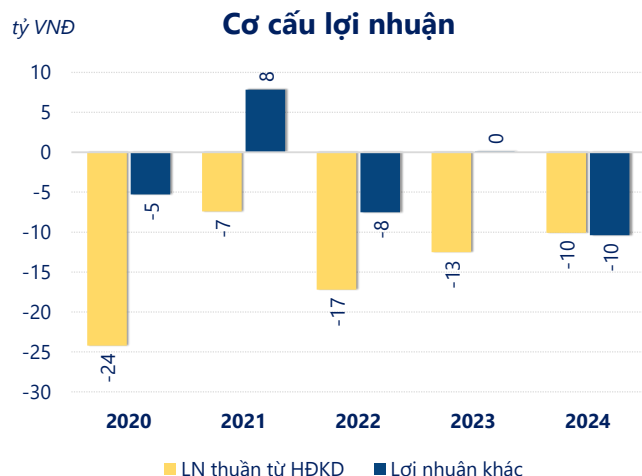
ROE	2024		
	-50.8%	+/- YoY	▼ 32.0%

ROA	2024		
	-15.4%	+/- YoY	▼ 7.6%



Năm **2024**, **FGL** ghi nhận doanh thu thuần **15.77** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-20.48** tỷ đồng, lần lượt **tăng 39.2%** và **giảm 64.6%** so với năm trước.

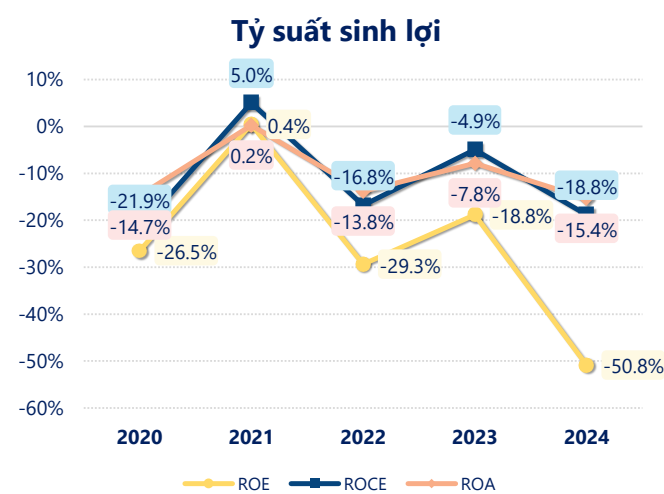
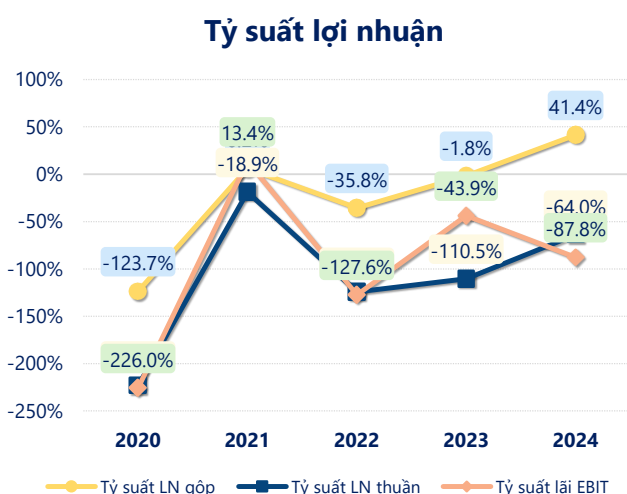
Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng **-50.8%** là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của FGL năm 2024 **tăng lên 2.43** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 10.09 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm 2020 là 24.22 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn 6.62 tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức 10.12 tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 11.04 tỷ đồng, tăng lên** so với năm trước.

ROE của FGL năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-50.8%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



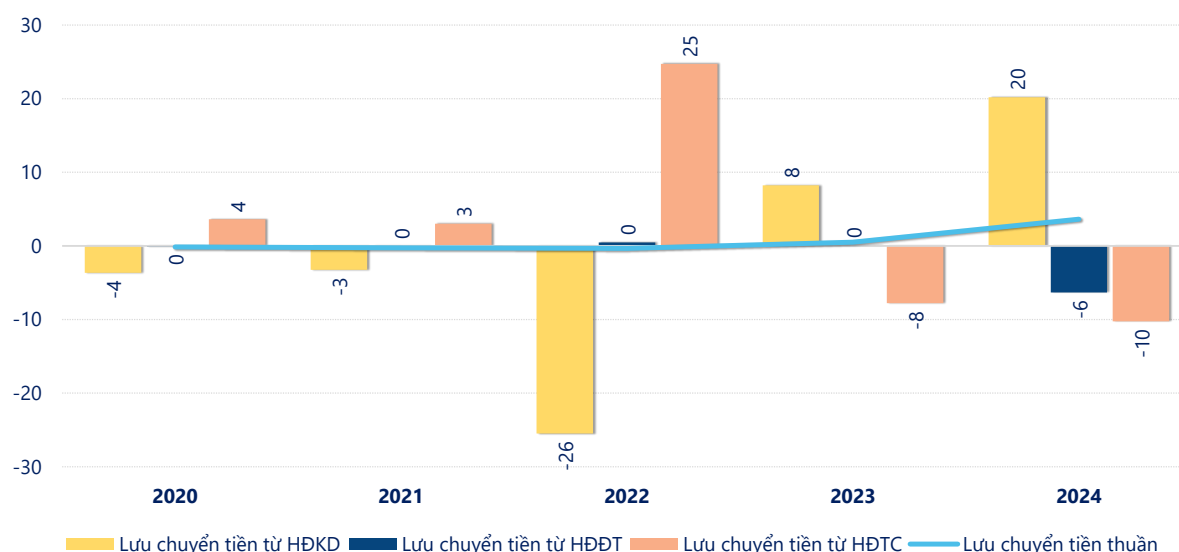
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	10.8	39.0	13.8	11.3	15.8
Giá vốn hàng bán	24.3	36.6	18.8	11.5	9.25
Lợi nhuận gộp	-13.4	2.41	-4.95	-0.20	6.53
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.05	0.12
Chi phí TC	4.98	4.80	7.07	7.46	6.62
Chi phí lãi vay	4.98	4.80	7.07	7.46	6.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.12	0.01	0.01	0.02	0.01
Chi phí QLDN	5.70	5.00	5.20	4.89	10.1
LN thuần từ HĐKD	-24.2	-7.39	-17.2	-12.5	-10.1
Lợi nhuận khác	-5.27	7.82	-7.51	0.08	-10.4
LN trước thuế	-29.5	0.43	-24.7	-12.4	-20.5
Lợi nhuận sau thuế	-29.5	0.43	-24.8	-12.4	-20.5
LNST của CĐ cty mẹ	-29.5	0.43	-24.8	-12.4	-20.5

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của FGL bằng **3.63** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (0.51 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **20.18** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-6.33** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-10.23** tỷ đồng.